

THÔNG BÁO
Kết quả chấm thi Kỳ thi chọn học sinh giỏi lớp 8 năm học 2024 - 2025

Kính gửi: Các trường: THCS, TH & THCS trực thuộc, trường phổ thông
DTNT huyện.

Hội đồng chấm thi chọn học sinh giỏi lớp 8 năm học 2024 - 2025 được thành lập theo Quyết định số 03/QĐ - BTC, ngày 24/3/2025; Hội đồng tiến hành các thủ tục, quy trình chấm thi đúng theo hướng dẫn. Kết quả đã được Hội đồng chấm trình Trưởng Ban Tổ chức và được phê duyệt. Ban Tổ chức xin Thông báo kết quả đến các đơn vị như sau:

I. Tổng hợp chung về số lượng đăng ký và dự thi:

1. Số lượng đăng kí: 391 thí sinh, cụ thể:

Trường	Lịch sử	Ngữ Văn	Vật lí	Hoá học	Tin học	Địa lí	Tiếng Anh	Sinh học	Toán	Tổng
THCS Nguyễn Trãi	8	11	3	4		5	13	10	3	57
THCS Lương Thế Vinh	7	5	2	4		4	7	5	6	40
THCS Nguyễn Du	7	13	11	7	8	8	14	6	16	90
THCS Trần Quang Khải	4	5		2		4	4		1	20
THCS Nguyễn Văn Linh		5	3	1	4	2	1	3		19
THCS Nguyễn Công Trứ	11	6	5	2	1	2	2	4	2	35
THCS Nguyễn Bình Khiêm	1	2		1	3			2	4	13
THCS Nguyễn Khuyến		1	2	1	3	4		1	4	16
THCS Trần Quốc Toản	3	4		1	5	5	2	4	10	34
THCS Trần Hưng Đạo	5		1			4	1	3	6	20
THCS Võ Văn Kiệt	4		1	2	1		2	2	2	14
TH-THCS Quang Trung		3								03
THCS Lý Tự Trọng	5	4	1	5		3	2	2	3	25
TH-THCS Hai Bà Trưng	1	2								03
PTDTNT						2				02
Tổng	56	61	29	30	25	43	48	42	57	391

2. Số lượng dự thi: 385 thí sinh, vắng 06 học sinh gồm:

Thí sinh: Lại Thị Hà Ly, học sinh trường THCS Nguyễn Trãi, số báo danh 01-007 dự thi môn Hoá học; Thí sinh: Hà Thị Luyến, học sinh trường THCS Nguyễn Trãi, số báo danh 01-030 dự thi môn Ngữ Văn; Thí sinh: Nguyễn Thị Ánh Tuyết, học sinh trường THCS Trần Hưng Đạo, số báo danh 12-337 dự thi môn Lịch sử; Thí sinh: Hoàng Phước Vinh, học sinh trường THCS Võ Văn Kiệt, số báo danh 11-347 dự thi môn Lịch sử; Thí sinh: Hà Thuỳ Long Trúc, học sinh trường THCS Võ Văn Kiệt, số báo danh 11-351 dự thi môn Sinh học; Thí sinh: Lê Tuấn Kiệt, học sinh trường THCS Nguyễn Khuyến, số báo danh 09-290 dự thi môn Tin học.

II. Kết quả: (chi tiết phụ lục kèm theo)

- Số lượng đạt giải Nhất: 28;
- Số lượng đạt giải Nhì: 55;
- Số lượng đạt giải Ba: 86;
- Số lượng đạt giải KK (khuyến khích): 101;
- Số lượng CĐ (chưa đạt): 115.

Phòng Giáo dục và Đào tạo đề nghị các trường thực hiện các nội dung sau:

1. Rà soát lại thông tin học sinh về họ tên, ngày, tháng năm sinh, tên lớp (ví dụ lớp 9A, 9B,... hoặc 9A1, 9A2...), nơi sinh, giới tính, dân tộc,.. phản hồi các thông tin cần điều chỉnh (nếu có) về Phòng trước ngày **02/4/2025**.

2. Trường hợp có đề nghị phúc khảo bài thi, các đơn vị hướng dẫn học sinh làm đơn tổng hợp gửi về Phòng Giáo dục và Đào tạo trước ngày **02/4/2025** để Phòng tổ chức phúc khảo bài thi cho các thí sinh.

Ban Tổ chức Kỳ thi chọn học sinh giỏi lớp 8 năm học 2024-2025 Thông báo kết quả chấm thi chọn học sinh giỏi lớp 8 năm học 2024-2025 đến các đơn vị được biết./.

Nơi nhận:

- Như trên (thực hiện);
- Lưu: VT, BTC (H).

TRƯỞNG BAN

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Trương Văn Dũng

THỐNG KÊ GIẢI THEO TRƯỜNG

(kèm theo Thông báo số 04 /TB - PGDDT, ngày 31/3/2025 của Phòng Giáo dục và Đào tạo)

STT	Trường	Đăng ký	Vắng	KẾT QUẢ TỔNG					Tỉ lệ đạt
				Nhất	Nhì	Ba	KK	CĐ	
1	THCS Nguyễn Du	90		8	10	21	34	17	81,11
2	THCS Trần Quốc Toàn	34				7	13	14	58,82
3	THCS Võ Văn Kiệt	14	2		2	1	3	6	42,86
4	THCS Nguyễn Công Trứ	35		1	7	15	7	5	85,71
5	THCS Nguyễn Khuyến	16	1	1	2	2	3	7	50
6	THCS Trần Quang Khải	20		1	1	6	4	8	60
7	THCS Lý Tự Trọng	25		3	5	5	7	5	80
8	TH-THCS Hai Bà Trưng	3		1			2		100
9	THCS Nguyễn Trãi	57	2	5	8	5	12	25	52,63
10	THCS Nguyễn Văn Linh	19		3	4	3	3	6	68,42
11	THCS Trần Hưng Đạo	20	1		3	3	2	11	40
12	THCS Nguyễn Bình Khiêm	13			4	1	1	7	46,15
13	TH-THCS Quang Trung	3				1	2		100
14	THCS Lương Thế Vinh	40		5	9	15	7	4	90
15	PTDTNT	2				1	1		100
Tổng		391	6	28	55	86	101	115	
		385		385					

KẾT QUẢ KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 8 NĂM HỌC 2024-2025

(kèm theo Thông báo số 04/TB - PGDDĐT, ngày 31 /3/2025 của Phòng Giáo dục và Đào tạo)

Stt	Môn thi	Phòng	SBD	Họ tên	Dân tộc	Giới tính	Nơi học		Điểm	Kết quả	Ghi chú
							Lớp	Trường			
1	Toán	4	02-058	Nguyễn Trần Bảo Thức	Kinh	Nữ	8A5	THCS Lương Thế Vinh	17,50	Nhất	
2	Toán	9	02-063	Phạm Minh Anh	Kinh	Nam	7A2	THCS Lương Thế Vinh	16,25	Nhất	
3	Toán	5	09-275	Lê Tuấn Kiệt	Kinh	Nam	8A	THCS Nguyễn Khuyến	15,00	Nhì	
4	Toán	2	04-104	Bùi Nguyên Kha	Kinh	Nam	8A3	THCS Nguyễn Du	14,50	Nhì	
5	Toán	6	02-060	Lê Thanh Hải	Kinh	Nam	8A3	THCS Lương Thế Vinh	14,25	Nhì	
6	Toán	7	02-061	Đinh Long An	Kinh	Nam	8A1	THCS Lương Thế Vinh	14,00	Nhì	
7	Toán	5	04-107	Lê Bá Minh Quân	Kinh	Nam	8A5	THCS Nguyễn Du	13,50	Nhì	
8	Toán	8	02-062	Chè Kim Thủy	Kinh	Hoa	8A3	THCS Lương Thế Vinh	13,25	Ba	
9	Toán	2	10-298	Trương Gia Huy	Kinh	Nam	8A5	THCS Trần Quốc Toản	13,25	Ba	
10	Toán	9	04-112	Vy Thị Thanh Thu	Kinh	Nữ	8A5	THCS Nguyễn Du	13,00	Ba	
11	Toán	11	04-099	Phạm Hà Dũng	Kinh	Nam	8A5	THCS Nguyễn Du	12,50	Ba	
12	Toán	7	04-110	Phan Lê Hoàng Thiên	Kinh	Nam	8A7	THCS Nguyễn Du	12,25	Ba	
13	Toán	1	10-297	Trần Hoàng Hải	Kinh	Nam	8A5	THCS Trần Quốc Toản	12,00	Ba	
14	Toán	10	04-098	Bùi Hoàng Anh	Kinh	Nam	8A5	THCS Nguyễn Du	11,75	Ba	
15	Toán	1	04-103	Nguyễn Viết Huy	Kinh	Nam	8A5	THCS Nguyễn Du	11,50	Ba	
16	Toán	3	04-105	Phan Anh Minh	Kinh	Nam	8A5	THCS Nguyễn Du	11,50	Ba	
17	Toán	13	04-101	Trần Thanh Hà	Kinh	Nữ	8A5	THCS Nguyễn Du	11,00	KK	
18	Toán	4	04-106	Bùi Nguyên Phong	Kinh	Nam	8A5	THCS Nguyễn Du	11,00	KK	
19	Toán	11	04-113	Vũ Văn Tuyên	Kinh	Nam	8A5	THCS Nguyễn Du	11,00	KK	
20	Toán	2	08-263	Thái Quốc Cường	Kinh	Nam	8a2	THCS Nguyễn Bình Khiêm	11,00	KK	
21	Toán	6	09-276	Nguyễn Thị Phương Nguyên	Kinh	Nữ	8B	THCS Nguyễn Khuyến	11,00	KK	
22	Toán	9	10-291	Phan Lê Bảo Trân	Kinh	Nữ	8A1	THCS Trần Quốc Toản	11,00	KK	

23	Toán	4	10-300	Nguyễn Như Quỳnh	Kinh	Nữ	8A3	THCS Trần Quốc Toản	11,00	KK	
24	Toán	5	12-325	Trương Hồng Đan Vy	Kinh	Nữ	8A3	THCS Trần Hưng Đạo	11,00	KK	
25	Toán	13	03-362	Vũ Thảo Linh	Kinh	Nữ	8A1	THCS Lý Tự Trọng	11,00	KK	
26	Toán	8	04-111	Nguyễn Phúc Thịnh	Kinh	Nam	8A5	THCS Nguyễn Du	10,50	KK	
27	Toán	7	09-277	Đinh Viêt Quang Nhật	Kinh	Nam	8A	THCS Nguyễn Khuyến	10,50	KK	
28	Toán	10	10-292	Trần Bùi Gia Nghĩa	Kinh	Nam	8A1	THCS Trần Quốc Toản	10,50	KK	
29	Toán	12	10-294	Lê Hồng Na	Kinh	Nữ	8A2	THCS Trần Quốc Toản	10,50	KK	
30	Toán	12	11-346	Đặng Sỹ Minh Tiến	Kinh	Nam	8A2	THCS Võ Văn Kiệt	10,50	KK	
31	Toán	6	04-108	Lê Tiến Thắng	Kinh	Nam	8A5	THCS Nguyễn Du	10,25	KK	
32	Toán	5	02-059	Trần Thị Hà Phương	Kinh	Nữ	8A3	THCS Lương Thế Vinh	10,00	KK	
33	Toán	3	01-003	Nguyễn Trọng Đại Lộc	Kinh	Nam	8A4	THCS Nguyễn Trãi	9,75	KK	
34	Toán	14	04-102	Trần Quang Hiếu	Kinh	Nam	8A5	THCS Nguyễn Du	9,75	KK	
35	Toán	1	01-001	Đặng Minh Nghĩa	Kinh	Nam	8A2	THCS Nguyễn Trãi	9,50	KK	
36	Toán	12	05-188	Nguyễn Trung Hiếu	Kinh	Nam	8A	THCS Trần Quang Khải	9,50	KK	
37	Toán	3	10-299	Lê Hoàng Anh	Kinh	Nam	7A1	THCS Trần Quốc Toản	9,50	KK	
38	Toán	1	03-364	Trần Diệu Linh	Kinh	Nữ	7A1	THCS Lý Tự Trọng	9,50	KK	
39	Toán	13	04-109	Phan Lê Bảo Châu	Kinh	Nam	7A4	THCS Nguyễn Du	9,25	KK	
40	Toán	14	07-228	Lý Như Hạnh	Kinh	Nữ	8A	THCS Nguyễn Công Trứ	9,00	KK	
41	Toán	14	03-363	Phan Thị Minh Hòa	Kinh	Nữ	7A1	THCS Lý Tự Trọng	9,00	KK	
42	Toán	14	10-296	Nguyễn Nguyên Khang	Kinh	Nam	8A2	THCS Trần Quốc Toản	7,50	CĐ	
43	Toán	11	11-345	Hồ Duy Khang	Kinh	Nam	8A1	THCS Võ Văn Kiệt	6,50	CĐ	
44	Toán	12	04-100	Nguyễn Ngọc Hải Đăng	Kinh	Nam	8A5	THCS Nguyễn Du	6,25	CĐ	
45	Toán	3	08-264	Tạ Thị Hà Trang	Kinh	Nữ	8a2	THCS Nguyễn Bình Khiêm	6,00	CĐ	
46	Toán	13	10-295	Phan Thị Cẩm Tú	Kinh	Nữ	8A2	THCS Trần Quốc Toản	5,75	CĐ	
47	Toán	7	12-327	Hà Nguyên Gia Uyên	Kinh	Nữ	8A3	THCS Trần Hưng Đạo	5,75	CĐ	
48	Toán	6	12-326	Trần Lê Anh Thư	Kinh	Nữ	8A3	THCS Trần Hưng Đạo	5,50	CĐ	
49	Toán	1	08-262	Trần Ngọc Khánh Chi	Kinh	Nữ	8A2	THCS Nguyễn Bình Khiêm	4,75	CĐ	

50	Toán	9	12-329	Trịnh Nguyễn Khánh An	Kinh	Nữ	8A3	THCS Trần Hưng Đạo	4,75	CĐ	
51	Toán	13	07-227	Nguyễn Lê Thảo Vy	Kinh	Nữ	8D	THCS Nguyễn Công Trứ	4,50	CĐ	
52	Toán	4	08-265	Nguyễn Minh Lợi	Kinh	Nữ	8a2	THCS Nguyễn Bình Khiêm	4,25	CĐ	
53	Toán	10	12-330	Bùi Tiến Thành	Kinh	Nam	8A2	THCS Trần Hưng Đạo	4,25	CĐ	
54	Toán	2	01-002	Đào Minh Thuận	Kinh	Nam	8A3	THCS Nguyễn Trãi	3,75	CĐ	
55	Toán	11	10-293	Nguyễn Ngọc Thy Lâm	Kinh	Nữ	8A3	THCS Trần Quốc Toản	3,75	CĐ	
56	Toán	8	09-278	Võ Như Quỳnh	Kinh	Nữ	8B	THCS Nguyễn Khuyến	3,50	CĐ	
57	Toán	8	12-328	Nguyễn Thị Bích Thủy	Kinh	Nữ	8A3	THCS Trần Hưng Đạo	3,00	CĐ	
58	Vật lí	5	06-209	Nguyễn Hữu Phước	Kinh	Nam	7A2	THCS Nguyễn Văn Linh	16,50	Nhất	
59	Vật lí	6	06-210	Phan Khắc Duy Thái	Kinh	Nam	8A3	THCS Nguyễn Văn Linh	15,50	Nhì	
60	Vật lí	11	03-365	Lê Thị Hương Trà	Kinh	Nữ	8A1	THCS Lý Tự Trọng	15,25	Nhì	
61	Vật lí	3	04-124	Nguyễn Anh Tuấn	Kinh	Nam	8A5	THCS Nguyễn Du	15,00	Nhì	
62	Vật lí	8	04-115	Trần Trung Hiếu	Kinh	Nam	8A3	THCS Nguyễn Du	14,50	Nhì	
63	Vật lí	9	07-231	Ngô Nguyễn Sỹ Hùng	Kinh	Nam	8D	THCS Nguyễn Công Trứ	14,50	Nhì	
64	Vật lí	10	07-232	Nguyễn Anh Kiệt	Kinh	Nam	8D	THCS Nguyễn Công Trứ	14,50	Nhì	
65	Vật lí	14	12-331	Nguyễn Phú Khải	Kinh	Nam	8A3	THCS Trần Hưng Đạo	13,50	Nhì	
66	Vật lí	4	06-208	Nguyễn Công Mạnh	Kinh	Nam	7A2	THCS Nguyễn Văn Linh	12,50	Ba	
67	Vật lí	7	07-229	Trần Thục Quyên	Kinh	Nữ	8C	THCS Nguyễn Công Trứ	12,25	Ba	
68	Vật lí	12	04-119	Vũ Lê Trà My	Kinh	Nữ	8A5	THCS Nguyễn Du	11,50	Ba	
69	Vật lí	7	04-114	Phan Thị Ngọc Hiền	Kinh	Nữ	8A1	THCS Nguyễn Du	11,00	KK	
70	Vật lí	2	04-123	Lê Tấn Trường	Kinh	Nam	8A1	THCS Nguyễn Du	11,00	KK	
71	Vật lí	10	04-117	Phạm Viết Khang	Kinh	Nam	8A6	THCS Nguyễn Du	10,00	KK	
72	Vật lí	11	04-118	Nguyễn Đức Kiên	Kinh	Nam	8A5	THCS Nguyễn Du	10,00	KK	
73	Vật lí	13	04-120	Lê Hồng Yến Nhi	Kinh	Nữ	8A7	THCS Nguyễn Du	10,00	KK	
74	Vật lí	14	04-121	Phạm Đình Phúc	Kinh	Nam	8A3	THCS Nguyễn Du	10,00	KK	
75	Vật lí	1	04-122	Võ Vương Trường Sinh	Kinh	Nam	8A3	THCS Nguyễn Du	10,00	KK	
76	Vật lí	8	07-230	Phó Nguyễn Thùy Dương	Kinh	Nữ	8D	THCS Nguyễn Công Trứ	10,00	KK	
77	Vật lí	9	04-116	Hoàng Quốc Huy	Kinh	Nam	8A5	THCS Nguyễn Du	7,50	CĐ	

78	Vật lí	2	01-004	Lý Kim Anh	Hoa	Nữ	8A1	THCS Nguyễn Trãi	7,00	CD	
79	Vật lí	5	02-064	Lê Hoàng	Kinh	Nam	8A5	THCS Lương Thế Vinh	7,00	CD	
80	Vật lí	6	02-065	Hứa Chính Long	Hoa	Nam	8A2	THCS Lương Thế Vinh	7,00	CD	
81	Vật lí	11	07-233	Dương Minh Tân	Kinh	Nam	8D	THCS Nguyễn Công Trứ	6,00	CD	
82	Vật lí	12	09-279	Hỏa Phương Anh	Kinh	Nữ	8B	THCS Nguyễn Khuyến	6,00	CD	
83	Vật lí	13	09-280	Lê Nguyễn Trúc Nương	Kinh	Nữ	8B	THCS Nguyễn Khuyến	5,00	CD	
84	Vật lí	3	01-005	Đinh Nguyễn Minh Thụ	Kinh	Nữ	8A4	THCS Nguyễn Trãi	4,00	CD	
85	Vật lí	4	01-006	Bùi Thị Hiền	Mường	Nữ	8A4	THCS Nguyễn Trãi	4,00	CD	
86	Vật Lí	10	11-347	Hoàng Phước Vinh	Kinh	Nam	8A2	THCS Võ Văn Kiệt			Vắng thi
87	Hoá học	9	02-069	Nguyễn Ý Gia Nhi	Kinh	Nữ	8A4	THCS Lương Thế Vinh	17,25	Nhất	
88	Hoá học	1	03-368	Lê Gia Hào	Kinh	Nam	8A1	THCS Lý Tự Trọng	13,50	Nhì	
89	Hoá học	10	10-301	Nguyễn Thị Thúy Kiều	Kinh	Nữ	8A3	THCS Trần Quốc Toản	13,00	Ba	
90	Hoá học	6	02-066	Tăng Kim Anh	Kinh	Nữ	8A3	THCS Lương Thế Vinh	12,00	Ba	
91	Hoá học	2	03-369	Đỗ Thị Bích Ngân	Kinh	Nữ	8A1	THCS Lý Tự Trọng	12,00	Ba	
92	Hoá học	1	04-130	Lê Nguyễn Khánh Thy	Kinh	Nữ	8A5	THCS Nguyễn Du	11,50	Ba	
93	Hoá học	6	07-234	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	Kinh	Nữ	8B	THCS Nguyễn Công Trứ	11,50	Ba	
94	Hoá học	13	03-366	Phạm Công Bảo	Kinh	Nam	8A1	THCS Lý Tự Trọng	11,50	Ba	
95	Hoá học	14	03-367	Nguyễn Trường Giang	Kinh	Nam	8A1	THCS Lý Tự Trọng	11,50	Ba	
96	Hoá học	11	04-126	Lê Huy Bảo	Kinh	Nam	8A5	THCS Nguyễn Du	10,75	KK	
97	Hoá học	12	04-127	Cao Minh Hóa	Kinh	Nam	8A5	THCS Nguyễn Du	10,50	KK	
98	Hoá học	14	04-129	Nguyễn Khánh Linh	Kinh	Nữ	8A5	THCS Nguyễn Du	10,50	KK	
99	Hoá học	3	03-370	Võ Trần Lê Nguyễn	Kinh	Nam	8A1	THCS Lý Tự Trọng	10,50	KK	
100	Hoá học	3	01-008	Nguyễn Hữu Nghĩa	Kinh	Nam	8A2	THCS Nguyễn Trãi	10,25	KK	
101	Hoá học	8	02-068	Phan Xuân Nhật	Kinh	Nam	8A3	THCS Lương Thế Vinh	10,25	KK	
102	Hoá học	7	02-067	Nguyễn Đình Hoàng	Kinh	Nam	8A3	THCS Lương Thế Vinh	10,00	KK	
103	Hoá học	13	04-128	Trần Minh Hoàng	Kinh	Nam	8A2	THCS Nguyễn Du	10,00	KK	
104	Hoá học	7	07-235	Lê Nguyễn Khánh Vy	Kinh	Nữ	8B	THCS Nguyễn Công Trứ	10,00	KK	
105	Hoá học	11	11-348	Hoàng Minh Quân	Kinh	Nam	8A1	THCS Võ Văn Kiệt	10,00	KK	

106	Hoá học	5	06-211	Nguyễn Bảo Trâm	Kinh	Nữ	8A3	THCS Nguyễn Văn Linh	7,00	CD	
107	Hoá học	8	08-266	Đinh Tuyết Mai	Kinh	Nữ	8A2	THCS Nguyễn Bình Khiêm	6,50	CD	
108	Hoá học	10	04-125	Lê Phạm Quỳnh Anh	Kinh	Nữ	8A5	THCS Nguyễn Du	6,25	CD	
109	Hoá học	4	01-009	Nguyễn Xuân Phú Vinh	Kinh	Nam	8A2	THCS Nguyễn Trãi	5,75	CD	
110	Hoá học	2	04-131	Vũ Thị Hải Yến	Kinh	Nữ	8A5	THCS Nguyễn Du	5,25	CD	
111	Hoá học	5	01-010	Huỳnh Thị Trân Châu	Kinh	Nữ	8A3	THCS Nguyễn Trãi	4,75	CD	
112	Hoá học	9	09-281	Lê Võ Bảo Trân	Kinh	Nữ	8B	THCS Nguyễn Khuyến	4,50	CD	
113	Hoá học	3	05-189	Vì Trương Thanh Hà	Kinh	Nữ	8A	THCS Trần Quang Khải	3,00	CD	
114	Hoá học	4	05-190	Nguyễn Thị Bảo Hân	Kinh	Nữ	8A	THCS Trần Quang Khải	2,00	CD	
115	Hoá học	12	11-349	Bùi Vũ Kiến Văn	Kinh	Nam	8A1	THCS Võ Văn Kiệt	1,00	CD	
116	Hoá học	2	01-007	Lại Hà Ly	Kinh	Nữ	8A1	THCS Nguyễn Trãi			Vắng thi
117	Sinh học	4	01-014	Hồ Hoàng Gia Hân	Kinh	Nữ	8A2	THCS Nguyễn Trãi	16,50	Nhất	
118	Sinh học	1	08-267	Đỗ Thị My My	Kinh	Nữ	8A1	THCS Nguyễn Bình Khiêm	15,50	Nhì	
119	Sinh học	2	08-268	Trần Bảo An	Kinh	Nữ	8A1	THCS Nguyễn Bình Khiêm	15,50	Nhì	
120	Sinh học	7	01-017	Trần Cát Tường	Kinh	Nữ	8A2	THCS Nguyễn Trãi	15,25	Nhì	
121	Sinh học	10	01-020	Nguyễn Lê Bảo Trâm	Kinh	Nữ	7A4	THCS Nguyễn Trãi	15,00	Nhì	
122	Sinh học	8	06-212	Nguyễn Đặng Ngọc Hân	Kinh	Nữ	8A3	THCS Nguyễn Văn Linh	15,00	Nhì	
123	Sinh học	14	02-073	Phan Thị Linh Giang	Kinh	Nữ	8A3	THCS Lương Thế Vinh	14,75	Nhì	
124	Sinh học	10	06-214	Phạm Thị Hoài Thương	Kinh	Nữ	8A3	THCS Nguyễn Văn Linh	13,50	Nhì	
125	Sinh học	11	07-236	Nguyễn Thị Tuệ Lâm	Kinh	Nữ	8C	THCS Nguyễn Công Trứ	12,50	Ba	
126	Sinh học	12	02-071	Hoàng Thị Huyền Ngọc	Kinh	Nữ	8A3	THCS Lương Thế Vinh	12,25	Ba	

127	Sinh học	2	04-132	Đỗ Khánh Hân	Kinh	Nữ	8A8	THCS Nguyễn Du	12,25	Ba	
128	Sinh học	4	04-134	Trịnh Ngọc Kiên	Kinh	Nam	8A4	THCS Nguyễn Du	12,25	Ba	
129	Sinh học	5	04-135	Đặng Xuân Nhân	Kinh	Nam	8A1	THCS Nguyễn Du	12,25	Ba	
130	Sinh học	14	07-239	Nguyễn Quỳnh Hương	Kinh	Nữ	8D	THCS Nguyễn Công Trứ	12,25	Ba	
131	Sinh học	4	10-302	Trần Hoàng Huy	Kinh	Nam	8A5	THCS Trần Quốc Toản	12,00	Ba	
132	Sinh học	5	10-303	Nguyễn Thanh Trí	Kinh	Nam	8A4	THCS Trần Quốc Toản	12,00	Ba	
133	Sinh học	8	01-018	Trịnh Khánh Luân	Kinh	Nam	8A2	THCS Nguyễn Trãi	11,25	KK	
134	Sinh học	13	02-072	Văn Kim Tuyền	Hoa	Nữ	8A3	THCS Lương Thế Vinh	10,50	KK	
135	Sinh học	14	03-372	Lương Hoàng Nghĩa	Kinh	Nam	7A1	THCS Lý Tự Trọng	10,50	KK	
136	Sinh học	6	01-016	Nguyễn Minh Đức	Kinh	Nam	8A2	THCS Nguyễn Trãi	10,25	KK	
137	Sinh học	11	02-070	Phạm Công Hoàng Bách	Kinh	Nam	8A3	THCS Lương Thế Vinh	10,00	KK	
138	Sinh học	1	02-074	Trần Quốc Hưng	Kinh	Nam	8A2	THCS Lương Thế Vinh	10,00	KK	
139	Sinh học	6	04-136	Đoàn Nguyễn Khánh Phương	Kinh	Nữ	8A8	THCS Nguyễn Du	10,00	KK	
140	Sinh học	13	07-238	Nguyễn Thị Yến Nhi	Kinh	Nữ	8D	THCS Nguyễn Công Trứ	10,00	KK	
141	Sinh học	6	10-304	Quách Thanh Nhân	Kinh	Nữ	8A4	THCS Trần Quốc Toản	10,00	KK	
142	Sinh học	5	01-015	Huỳnh Đăng Khoa	Kinh	Nam	8A2	THCS Nguyễn Trãi	7,75	CĐ	
143	Sinh học	13	03-371	Hoàng Hà Thảo Vân	Kinh	Nữ	8A3	THCS Lý Tự Trọng	7,75	CĐ	
144	Sinh học	7	10-305	Phạm Thị Xuân Mai	Kinh	Nữ	8A3	THCS Trần Quốc Toản	7,25	CĐ	

145	Sinh học	10	12-334	Võ Thị Ngọc Diệp	Kinh	Nữ	8A1	THCS Trần Hưng Đạo	7,00	CĐ	
146	Sinh học	8	12-332	Nguyễn Hoàng Trọng Kim	Kinh	Nam	8A2	THCS Trần Hưng Đạo	6,75	CĐ	
147	Sinh học	3	01-013	Nguyễn Thị Ngân Phương	Kinh	Nữ	8A1	THCS Nguyễn Trãi	6,00	CĐ	
148	Sinh học	3	04-133	Lê Vũ Hoàng	Kinh	Nam	8A3	THCS Nguyễn Du	5,25	CĐ	
149	Sinh học	9	12-333	Nguyễn Thùy Phương	Kinh	Nữ	8A2	THCS Trần Hưng Đạo	5,25	CĐ	
150	Sinh học	12	07-237	Thái Nữ Tường Vy	Kinh	Nữ	8B	THCS Nguyễn Công Trứ	4,75	CĐ	
151	Sinh học	3	09-282	Lê Thị Thuý Hằng	Kinh	Nữ	8B	THCS Nguyễn Khuyến	4,00	CĐ	
152	Sinh học	1	01-011	Nguyễn Thị Ngọc Song Vi	Kinh	Nữ	8A1	THCS Nguyễn Trãi	3,75	CĐ	
153	Sinh học	2	01-012	Vũ Đức Hải	Kinh	Nam	8A1	THCS Nguyễn Trãi	3,25	CĐ	
154	Sinh học	7	04-137	Lê Thị Tường Vy	Kinh	Nữ	8A2	THCS Nguyễn Du	3,25	CĐ	
155	Sinh học	11	11-350	Nguyễn Hà Thuận	Kinh	Nữ	8A1	THCS Võ Văn Kiệt	2,25	CĐ	
156	Sinh học	9	01-019	Nguyễn Ngọc Châu	Kinh	Nữ	8A4	THCS Nguyễn Trãi	2,00	CĐ	
157	Sinh học	9	06-213	Trần Kiều Đại Dương	Kinh	Nam	7A2	THCS Nguyễn Văn Linh	1,50	CĐ	
158	Sinh học	12	11-351	Hà Thùy Long Trúc	Kinh	Nữ	8A1	THCS Võ Văn Kiệt			Vắng thi
159	Ngữ văn	4	02-076	Nguyễn Thanh Hà	Kinh	Nữ	8A3	THCS Lương Thế Vinh	14,50	Nhì	
160	Ngữ văn	8	01-023	Đinh Ngọc Thảo Hiền	Kinh	Nữ	8A4	THCS Nguyễn Trãi	13,50	Nhì	
161	Ngữ văn	10	04-140	Hứa Kỳ Anh	Kinh	Nữ	7A4	THCS Nguyễn Du	13,00	Ba	
162	Ngữ văn	7	05-191	Trần Mai Anh	Kinh	Nữ	8A	THCS Trần Quang Khải	13,00	Ba	
163	Ngữ văn	13	01-028	Lê Khánh Ly	Kinh	Nữ	7A1	THCS Nguyễn Trãi	12,50	Ba	
164	Ngữ văn	8	07-245	Đinh Lê Bảo Ngọc	Kinh	Nữ	8D	THCS Nguyễn Công Trứ	12,50	Ba	

165	Ngữ văn	12	10-306	Võ Lê Như Ngọc	Kinh	Nữ	8A3	THCS Trần Quốc Toàn	12,50	Ba	
166	Ngữ văn	3	02-075	Bùi Thị Thanh Thảo	Kinh	Nữ	7A3	THCS Lương Thế Vinh	12,00	Ba	
167	Ngữ văn	5	02-077	Thị Na	Mnông	Nữ	8A3	THCS Lương Thế Vinh	12,00	Ba	
168	Ngữ văn	12	04-142	Hoàng Phạm Hạnh Đan	Kinh	Nữ	8A2	THCS Nguyễn Du	12,00	Ba	
169	Ngữ văn	3	07-240	Bùi Thị Thu Hằng	Kinh	Nữ	8A	THCS Nguyễn Công Trứ	12,00	Ba	
170	Ngữ văn	2	13-359	Nguyễn Thị Chúc	Kinh	Nữ	8A	TH-THCS Quang Trung	12,00	Ba	
171	Ngữ văn	1	06-218	Hoàng Ngọc Lan Anh	Kinh	Nữ	8A3	THCS Nguyễn Văn Linh	11,50	Ba	
172	Ngữ văn	14	01-029	Nguyễn Lê Hồng Hạnh	Kinh	Nữ	7A2	THCS Nguyễn Trãi	11,00	KK	
173	Ngữ văn	2	01-031	Phan Viết Toàn	Kinh	Nam	7A3	THCS Nguyễn Trãi	11,00	KK	
174	Ngữ văn	7	02-079	Vy Thị Thảo Mai	Tây	Nữ	8A4	THCS Lương Thế Vinh	11,00	KK	
175	Ngữ văn	13	04-143	Nguyễn Thị Thanh Hương	Kinh	Nữ	8A7	THCS Nguyễn Du	11,00	KK	
176	Ngữ văn	14	04-144	Nguyễn Thị Hiền Lam	Kinh	Nữ	8A5	THCS Nguyễn Du	11,00	KK	
177	Ngữ văn	11	05-195	Vũ Phạm Thùy Trang	Kinh	Nữ	8B	THCS Trần Quang Khải	11,00	KK	
178	Ngữ văn	1	10-309	Bùi Hạ Vy	Kinh	Nữ	8A1	THCS Trần Quốc Toàn	11,00	KK	
179	Ngữ văn	3	13-360	Trần Phương Nhi	Kinh	Nữ	8A	TH-THCS Quang Trung	11,00	KK	
180	Ngữ văn	7	03-375	Trương Nguyễn Hà Thị	Kinh	Nữ	8A2	THCS Lý Tự Trọng	11,00	KK	
181	Ngữ văn	11	01-026	Nguyễn Gia Linh	Kinh	Nữ	6A4	THCS Nguyễn Trãi	10,50	KK	
182	Ngữ văn	5	07-242	Đinh Bảo Châu	Kinh	Nữ	8C	THCS Nguyễn Công Trứ	10,50	KK	
183	Ngữ văn	14	10-308	Hoàng Mai Nhi Nữ	Kinh	Nữ	8A3	THCS Trần Quốc Toàn	10,50	KK	
184	Ngữ văn	6	01-021	Nguyễn Ngọc Minh Khanh	Kinh	Nữ	8A2	THCS Nguyễn Trãi	10,00	KK	
185	Ngữ văn	10	01-025	Vũ Thị Thanh Liễu	Kinh	Nữ	8A4	THCS Nguyễn Trãi	10,00	KK	
186	Ngữ văn	8	04-138	Đặng Hoàng Mai Anh	Kinh	Nữ	8A6	THCS Nguyễn Du	10,00	KK	
187	Ngữ văn	3	04-147	Ngô Minh Ngọc	kinh	Nữ	7A4	THCS Nguyễn Du	10,00	KK	
188	Ngữ văn	8	05-192	Đỗ Thị Diễm My	Kinh	Nữ	8B	THCS Trần Quang Khải	10,00	KK	
189	Ngữ văn	10	05-194	Nguyễn Hồ Quỳnh Hương	Kinh	Nữ	8B	THCS Trần Quang Khải	10,00	KK	
190	Ngữ văn	4	07-241	Phan Hoàng Tường Vy	Kinh	Nữ	8A	THCS Nguyễn Công Trứ	10,00	KK	
191	Ngữ văn	11	09-283	Vương Lê Tuyết Mai	Kinh	Nữ	8B	THCS Nguyễn Khuyến	10,00	KK	
192	Ngữ văn	13	10-307	Lê Bùi Phương Thảo	Kinh	Nữ	8A3	THCS Trần Quốc Toàn	10,00	KK	

193	Ngữ văn	4	13-361	Trần Thị Mai Hương	Kinh	Nữ	8A	TH-THCS Quang Trung	10,00	KK	
194	Ngữ văn	9	14-387	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	Kinh	Nữ	8	TH-THCS Hai Bà Trưng	10,00	KK	
195	Ngữ văn	10	14-388	Lê Vũ Minh Trang	Kinh	Nữ	8	TH-THCS Hai Bà Trưng	10,00	KK	
196	Ngữ văn	5	04-149	Nguyễn Thị Quế Trân	Kinh	Nữ	8A3	THCS Nguyễn Du	9,00	KK	
197	Ngữ văn	6	04-150	Điêu Thị Hạnh Trinh	Mnông	Nữ	8A1	THCS Nguyễn Du	9,00	KK	
198	Ngữ văn	12	06-215	Phạm Lê Bảo Trân	Kinh	Nữ	8A3	THCS Nguyễn Văn Linh	9,00	KK	
199	Ngữ văn	14	06-217	Vũ Trịnh Yến Đoan	Kinh	Nữ	8A3	THCS Nguyễn Văn Linh	9,00	KK	
200	Ngữ văn	6	07-243	Lê Nguyễn Thảo Nguyên	Kinh	Nữ	8C	THCS Nguyễn Công Trứ	9,00	KK	
201	Ngữ văn	7	01-022	Hoàng Lâm An Vy	Nùng	Nữ	8A3	THCS Nguyễn Trãi	8,50	CĐ	
202	Ngữ văn	9	01-024	Nguyễn Mã Ngọc Anh	Nùng	Nữ	8A4	THCS Nguyễn Trãi	8,50	CĐ	
203	Ngữ văn	6	02-078	Đặng Thị Xuân Mai	Kinh	Nữ	8A4	THCS Lương Thế Vinh	8,50	CĐ	
204	Ngữ văn	1	04-145	Bùi Thị Sương Mai	Kinh	Nữ	8A5	THCS Nguyễn Du	8,50	CĐ	
205	Ngữ văn	9	05-193	Nguyễn Ngọc Kiều Nhung	Kinh	Nữ	8B	THCS Trần Quang Khải	8,50	CĐ	
206	Ngữ văn	9	08-269	Vũ Gia Hân	Kinh	Nữ	8a2	THCS Nguyễn Bình Khiêm	8,50	CĐ	
207	Ngữ văn	10	08-270	Phạm Bảo Trân	Kinh	Nữ	8a2	THCS Nguyễn Bình Khiêm	8,50	CĐ	
208	Ngữ văn	5	03-373	Vũ Thị Thu Hương	Kinh	Nữ	8A1	THCS Lý Tự Trọng	8,50	CĐ	
209	Ngữ văn	11	04-141	Lê Thị Tuyết Chinh	Kinh	Nữ	8A2	THCS Nguyễn Du	8,00	CĐ	
210	Ngữ văn	2	04-146	Phạm Thị Nguyệt Nga	Kinh	Nữ	8A7	THCS Nguyễn Du	8,00	CĐ	
211	Ngữ văn	13	06-216	Lâm Như Quỳnh	Hoa	Nữ	8A3	THCS Nguyễn Văn Linh	8,00	CĐ	
212	Ngữ văn	7	07-244	Nguyễn Dương Minh Xuân	Kinh	Nữ	8C	THCS Nguyễn Công Trứ	8,00	CĐ	
213	Ngữ văn	6	03-374	Lâm Thị Thu Kim	Nùng	Nữ	8A1	THCS Lý Tự Trọng	8,00	CĐ	
214	Ngữ văn	8	03-376	Đinh Lê Bảo Trâm	Kinh	Nữ	8A3	THCS Lý Tự Trọng	8,00	CĐ	
215	Ngữ văn	9	04-139	Nguyễn Lê Minh Anh	Kinh	Nữ	8A1	THCS Nguyễn Du	7,50	CĐ	
216	Ngữ văn	2	06-219	Đặng Thị Hồng Diễm	Kinh	Nữ	8A3	THCS Nguyễn Văn Linh	7,50	CĐ	
217	Ngữ văn	12	01-027	Đỗ Thị Ngọc Hân	Kinh	Nữ	6A4	THCS Nguyễn Trãi	7,00	CĐ	
218	Ngữ văn	4	04-148	Vũ Thị Ánh Sâm	Kinh	Nữ	8A2	THCS Nguyễn Du	7,00	CĐ	
219	Ngữ văn	1	01-030	Hà Thị Luyến	Kinh	Nữ	7A2	THCS Nguyễn Trãi			Vắng thi

220	Lịch sử	5	14-389	Võ Phi Hùng	Kinh	Nam	8	TH-THCS Hai Bà Trưng	17,50	Nhất	
221	Lịch sử	8	01-039	Cao Ngọc Thùy Dương	Kinh	Nữ	7A4	THCS Nguyễn Trãi	16,00	Nhất	
222	Lịch sử	14	02-085	Thị Mi Chin	Mnông	nữ	8a1	THCS Lương Thế Vinh	16,00	Nhất	
223	Lịch sử	4	04-153	Trương Ngọc Minh Nguyễn	Kinh	Nữ	8a5	THCS Nguyễn Du	16,00	Nhất	
224	Lịch sử	1	03-378	Phan Phạm Hoài My	Kinh	Nữ	8A2	THCS Lý Tự Trọng	16,00	Nhất	
225	Lịch sử	2	03-379	Nguyễn Đình Toàn	Kinh	Nam	8A1	THCS Lý Tự Trọng	16,00	Nhất	
226	Lịch sử	1	08-271	Mai Thúy Hằng	Kinh	Nữ	8a2	THCS Nguyễn Bình Khiêm	15,50	Nhì	
227	Lịch sử	3	03-380	Lê Diễm Quỳnh	Kinh	Nữ	8A1	THCS Lý Tự Trọng	15,00	Nhì	
228	Lịch sử	11	02-082	Phùng Bảo Như	Hoa	nữ	8a2	THCS Lương Thế Vinh	14,75	Nhì	
229	Lịch sử	1	02-086	Thị Ái	Mnông	nữ	8a1	THCS Lương Thế Vinh	14,50	Nhì	
230	Lịch sử	5	07-247	Trần Thị Tâm Như	Kinh	Nữ	8B	THCS Nguyễn Công Trứ	14,50	Nhì	
231	Lịch sử	11	07-253	Nguyễn Khánh Linh	Kinh	Nữ	8D	THCS Nguyễn Công Trứ	14,50	Nhì	
232	Lịch sử	4	03-381	Nguyễn Đức Mạnh Dũng	Kinh	Nam	8A1	THCS Lý Tự Trọng	14,50	Nhì	
233	Lịch sử	7	01-038	Nguyễn Thục Đoan	Kinh	Nữ	7A4	THCS Nguyễn Trãi	14,00	Nhì	
234	Lịch sử	8	04-157	Phạm Nguyễn Hoài Thương	Kinh	Nữ	8A7	THCS Nguyễn Du	14,00	Nhì	
235	Lịch sử	6	07-248	Nguyễn Nhật Phú	Kinh	Nam	8D	THCS Nguyễn Công Trứ	13,50	Nhì	
236	Lịch sử	12	05-199	Trần Thị Cẩm Linh	Kinh	Nữ	8B	THCS Trần Quang Khải	13,00	Ba	
237	Lịch sử	6	01-037	Vòng Minh Nguyệt	Hoa	Nữ	7A3	THCS Nguyễn Trãi	12,50	Ba	
238	Lịch sử	12	02-083	Phan Thị Anh Đào	Kinh	nữ	8a2	THCS Lương Thế Vinh	12,50	Ba	
239	Lịch sử	8	07-250	Cao Hà Anh	Kinh	Nữ	8C	THCS Nguyễn Công Trứ	12,50	Ba	
240	Lịch sử	10	07-252	Lê Thị Mỹ Tình	Kinh	Nữ	8D	THCS Nguyễn Công Trứ	12,50	Ba	
241	Lịch sử	14	03-377	Hồ Thị Nhân	Kinh	Nữ	8A3	THCS Lý Tự Trọng	12,50	Ba	
242	Lịch sử	2	01-033	Võ Thị Thu Mẹo	Kinh	Nữ	8A1	THCS Nguyễn Trãi	12,00	Ba	
243	Lịch sử	3	01-034	Bùi Huyền Thảo My	Kinh	Nữ	8A1	THCS Nguyễn Trãi	12,00	Ba	
244	Lịch sử	10	02-081	Nguyễn Phước Phương Uyên	Kinh	nữ	8a3	THCS Lương Thế Vinh	12,00	Ba	
245	Lịch sử	13	02-084	Cao Ngọc Bảo Hân	Kinh	nữ	8a2	THCS Lương Thế Vinh	12,00	Ba	
246	Lịch sử	3	04-152	Vũ Văn Hiếu	Kinh	Nam	8A6	THCS Nguyễn Du	12,00	Ba	

247	Lịch sử	10	05-197	Nguyễn Trần Kim Yên	Kinh	Nữ	8A	THCS Trần Quang Khải	12,00	Ba	
248	Lịch sử	11	05-198	Đặng Hải My	Kinh	Nữ	8A	THCS Trần Quang Khải	12,00	Ba	
249	Lịch sử	4	07-246	Nguyễn Thị Kim Huệ	Kinh	Nữ	8B	THCS Nguyễn Công Trứ	12,00	Ba	
250	Lịch sử	7	07-249	Thái Thị Tường Vân	Kinh	Nữ	8D	THCS Nguyễn Công Trứ	12,00	Ba	
251	Lịch sử	9	07-251	Mai Lê Uyên Linh	Kinh	Nữ	8B	THCS Nguyễn Công Trứ	12,00	Ba	
252	Lịch sử	12	07-254	Hồ Khánh Vy	Kinh	Nữ	8D	THCS Nguyễn Công Trứ	12,00	Ba	
253	Lịch sử	13	07-255	Lê Phạm Gia Linh	Kinh	Nữ	8B	THCS Nguyễn Công Trứ	12,00	Ba	
254	Lịch sử	4	10-312	Nguyễn Khánh Thy	Kinh	Nữ	8A3	THCS Trần Quốc Toàn	12,00	Ba	
255	Lịch sử	8	12-338	Hoàng Thị Ánh Dương	Kinh	Nữ	8A2	THCS Trần Hưng Đạo	12,00	Ba	
256	Lịch sử	13	11-355	Lê Thị Hương Giang	Kinh	Nữ	8A2	THCS Võ Văn Kiệt	12,00	Ba	
257	Lịch sử	6	12-336	Nguyễn Phúc Xuân Trang	Kinh	Nữ	8A3	THCS Trần Hưng Đạo	9,50	KK	
258	Lịch sử	9	02-080	Bùi Văn Đông	Kinh	nam	8a4	THCS Lương Thế Vinh	8,50	CD	
259	Lịch sử	4	01-035	Nguyễn Trà Mi	Kinh	Nữ	8A1	THCS Nguyễn Trãi	7,50	CD	
260	Lịch sử	2	04-151	Vũ Thị Lan Anh	Kinh	Nữ	8A4	THCS Nguyễn Du	7,00	CD	
261	Lịch sử	5	12-335	Nguyễn Thị Tuyết Như	Kinh	Nữ	8A2	THCS Trần Hưng Đạo	7,00	CD	
262	Lịch sử	1	01-032	Phạm Đồng Bối Bối	Kinh	Nữ	8A1	THCS Nguyễn Trãi	6,50	CD	
263	Lịch sử	9	05-196	Nguy Trà Giang	Kinh	Nữ	8A	THCS Trần Quang Khải	6,50	CD	
264	Lịch sử	9	12-339	Lê Trọng Phúc	Kinh	Nam	7A3	THCS Trần Hưng Đạo	6,50	CD	
265	Lịch sử	7	04-156	Lê Phạm Thanh Thư	Kinh	Nữ	8A2	THCS Nguyễn Du	6,25	CD	
266	Lịch sử	14	07-256	Lê Phạm Giao Linh	Kinh	Nữ	8B	THCS Nguyễn Công Trứ	6,00	CD	
267	Lịch sử	11	11-353	Hoàng Hải Anh	Kinh	Nam	8A2	THCS Võ Văn Kiệt	5,75	CD	
268	Lịch sử	5	04-154	Nguyễn phương Thảo	Kinh	Nữ	8A4	THCS Nguyễn Du	5,00	CD	
269	Lịch sử	10	11-352	Nguyễn Bình Minh	Kinh	Nam	8A2	THCS Võ Văn Kiệt	5,00	CD	
270	Lịch sử	3	10-311	Lê Nguyễn Tú An	Kinh	Nữ	8A3	THCS Trần Quốc Toàn	4,50	CD	
271	Lịch sử	12	11-354	Nguyễn Thị Như Ý	Kinh	Nữ	8A2	THCS Võ Văn Kiệt	2,50	CD	
272	Lịch sử	5	01-036	Thị Trâm BùGàr	M'Nông	Nữ	8A1	THCS Nguyễn Trãi	2,00	CD	
273	Lịch sử	6	04-155	Đinh Song Thư	Kinh	Nữ	8A7	THCS Nguyễn Du	2,00	CD	
274	Lịch sử	2	10-310	Nguyễn Hoàng Phúc	Kinh	Nam	8A3	THCS Trần Quốc Toàn	2,00	CD	

275	Lịch sử	7	12-337	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Kinh	Nữ	8A2	THCS Trần Hưng Đạo			Vắng thi
276	Địa lí	3	01-042	Chu Đan Phương	Nùng	Nữ	8A3	THCS Nguyễn Trãi	18,00	Nhất	
277	Địa lí	13	09-285	Nguyễn Thị Ngọc Thuỷ	Kinh	Nữ	8B	THCS Nguyễn Khuyến	18,00	Nhất	
278	Địa lí	5	01-044	Nguyễn Hoàng Thu Thảo	Kinh	Nữ	7A3	THCS Nguyễn Trãi	17,50	Nhất	
279	Địa lí	11	04-159	Nguyễn Hoàng Phương Linh	Kinh	Nữ	8A5	THCS Nguyễn Du	16,50	Nhất	
280	Địa lí	6	05-202	Nguyễn Hạo Nam	Kinh	Nam	8A	THCS Trần Quang Khải	16,25	Nhất	
281	Địa lí	13	03-384	Trần Văn Tài	Kinh	Nam	8A1	THCS Lý Tự Trọng	16,00	Nhất	
282	Địa lí	2	01-041	Vì Thị Quỳnh Như	Tày	Nữ	8A2	THCS Nguyễn Trãi	15,50	Nhì	
283	Địa lí	12	09-284	Lê Nguyễn Bảo Ngọc	Kinh	Nữ	8A	THCS Nguyễn Khuyến	15,50	Nhì	
284	Địa lí	7	12-340	Trương Vũ Hoàng Anh	Kinh	Nam	8A1	THCS Trần Hưng Đạo	15,25	Nhì	
285	Địa lí	10	04-158	Nguyễn Thanh Hằng	Kinh	Nữ	8A5	THCS Nguyễn Du	15,00	Nhì	
286	Địa lí	4	05-200	Ngô Hoàng Bích Thảo	Kinh	Nữ	8B	THCS Trần Quang Khải	15,00	Nhì	
287	Địa lí	1	01-040	Nguyễn Thị Kiều Oanh	Kinh	Nữ	8A2	THCS Nguyễn Trãi	14,50	Nhì	
288	Địa lí	9	12-342	Đoàn Thị Tuyết	Kinh	Nữ	8A1	THCS Trần Hưng Đạo	14,50	Nhì	
289	Địa lí	8	02-089	Lê Huy Sơn	Kinh	nam	8a3	THCS Lương Thế Vinh	14,00	Nhì	
290	Địa lí	13	04-161	Lê Thị Thảo Nguyên	Kinh	Nữ	8A8	THCS Nguyễn Du	14,00	Nhì	
291	Địa lí	12	03-383	Nguyễn Lê Bảo Trọng	Kinh	Nam	8A1	THCS Lý Tự Trọng	14,00	Nhì	
292	Địa lí	2	04-164	Bùi Thị Thu Trang	Kinh	Nữ	8A4	THCS Nguyễn Du	13,25	Ba	
293	Địa lí	12	04-160	Ngô Phạm Ánh Linh	Kinh	Nữ	8A4	THCS Nguyễn Du	13,00	Ba	
294	Địa lí	8	06-220	Nguyễn Đỗ Gia Bảo	Kinh	Nam	8A3	THCS Nguyễn Văn Linh	13,00	Ba	
295	Địa lí	6	02-087	Nguyễn Đăng Nhật Hưng	Kinh	nam	8a1	THCS Lương Thế Vinh	12,75	Ba	
296	Địa lí	1	09-287	Nguyễn Dương Khánh Thy	Kinh	Nữ	8A	THCS Nguyễn Khuyến	12,75	Ba	
297	Địa lí	5	05-201	Phan Thị Như Quỳnh	Kinh	Nữ	8B	THCS Trần Quang Khải	12,50	Ba	
298	Địa lí	11	07-258	Nguyễn Khánh Vy	Kinh	Nữ	8C	THCS Nguyễn Công Trứ	12,50	Ba	
299	Địa lí	7	02-088	Sín Kim Anh	Hoa	nữ	8a1	THCS Lương Thế Vinh	12,00	Ba	
300	Địa lí	9	02-090	T Sênh Kim Phụng	Hoa	nữ	8a4	THCS Lương Thế Vinh	12,00	Ba	
301	Địa lí	14	04-162	Nguyễn Đình Tài Phát	Kinh	Nam	8A3	THCS Nguyễn Du	12,00	Ba	

302	Địa lí	3	04-165	Trịnh Gia Bảo Trân	Kinh	Nữ	8A1	THCS Nguyễn Du	12,00	Ba	
303	Địa lí	7	05-203	Phạm Thị Kiều Tâm	Kinh	Nữ	8B	THCS Trần Quang Khải	12,00	Ba	
304	Địa lí	10	07-257	Trần Minh Vương	Kinh	Nam	8C	THCS Nguyễn Công Trứ	12,00	Ba	
305	Địa lí	14	09-286	Nguyễn Thị Bảo Ngân	Kinh	Nữ	8A	THCS Nguyễn Khuyến	12,00	Ba	
306	Địa lí	8	12-341	Phạm Trần Yên Nhi	Kinh	Nữ	8A1	THCS Trần Hưng Đạo	12,00	Ba	
307	Địa lí	10	12-343	Trần Thị Thúy Hiền	Kinh	Nữ	7A1	THCS Trần Hưng Đạo	12,00	Ba	
308	Địa lí	11	03-382	Lê Thị Trúc Linh	Kinh	Nữ	8A3	THCS Lý Tự Trọng	12,00	Ba	
309	Địa lí	1	15-391	Triệu Thị Kim Mến	Dao	Nữ	8	PTDTNT	12,00	Ba	
310	Địa lí	14	15-390	Thị Ný	M'nông	Nữ	8	PTDTNT	11,00	KK	
311	Địa lí	9	06-221	Ngô Thị Tường Vi	Kinh	Nữ	8A3	THCS Nguyễn Văn Linh	9,50	KK	
312	Địa lí	1	04-163	Hà Linh Thư	Kinh	Nữ	8A7	THCS Nguyễn Du	9,00	KK	
313	Địa lí	4	10-315	Nguyễn Hoài An	Kinh	Nữ	8A4	THCS Trần Quốc Toản	9,00	KK	
314	Địa lí	4	01-043	Đặng Thị Bích Trâm	Kinh	Nữ	7A2	THCS Nguyễn Trãi	8,50	CĐ	
315	Địa lí	5	10-316	Phan Thị Thuỳ Vân	Kinh	Nữ	8A5	THCS Trần Quốc Toản	8,50	CĐ	
316	Địa lí	2	10-313	Nguyễn Hữu Nhã	Kinh	Nam	8A2	THCS Trần Quốc Toản	8,00	CĐ	
317	Địa lí	6	10-317	Trần Văn Vinh	Kinh	Nam	8A5	THCS Trần Quốc Toản	5,25	CĐ	
318	Địa lí	3	10-314	Lê Thảo Ngân	Kinh	Nữ	8A2	THCS Trần Quốc Toản	4,25	CĐ	
319	Tiếng Anh	15	02-094	Bùi Hoàng Nghi Dung	Kinh	Nữ	7A6	THCS Lương Thế Vinh	17,75	Nhất	
320	Tiếng Anh	15	07-260	Nguyễn Đức Vũ Thanh Bình	Kinh	Nam	8B	THCS Nguyễn Công Trứ	16,65	Nhất	
321	Tiếng Anh	16	01-052	Hồ Nguyễn Tuấn Khang	Kinh	Nam	6A4	THCS Nguyễn Trãi	16,03	Nhất	
322	Tiếng Anh	16	11-357	Trương Minh Hiếu	Kinh	Nữ	8A2	THCS Võ Văn Kiệt	15,38	Nhì	
323	Tiếng Anh	15	01-049	Vũ Phúc Yên Nhi	Kinh	Nữ	8A2	THCS Nguyễn Trãi	15,10	Nhì	
324	Tiếng Anh	16	02-097	Phan Thị Bảo Ngọc	Kinh	Nữ	7A1	THCS Lương Thế Vinh	14,95	Nhì	
325	Tiếng Anh	16	04-175	Đặng Đình Quân	Kinh	Nam	8A5	THCS Nguyễn Du	14,78	Nhì	

326	Tiếng Anh	16	02-095	Lê Hoàng Long Vân	Kinh	Nữ	7A3	THCS Lương Thế Vinh	14,33	Nhì	
327	Tiếng Anh	16	04-173	Phạm Gia Nghi	Kinh	Nữ	8A5	THCS Nguyễn Du	13,98	Nhì	
328	Tiếng Anh	16	07-259	Lài Thị Cẩm Tú	Kinh	Nữ	8D	THCS Nguyễn Công Trứ	13,98	Nhì	
329	Tiếng Anh	16	01-048	Lê Đỗ Nhật Minh	Kinh	Nam	8A2	THCS Nguyễn Trãi	13,65	Nhì	
330	Tiếng Anh	15	04-174	Đoàn Ngọc Phát	Kinh	Nam	8A5	THCS Nguyễn Du	13,40	Ba	
331	Tiếng Anh	15	02-092	Hà Quyên Bảo Ngân	Kinh	Nữ	8A1	THCS Lương Thế Vinh	13,10	Ba	
332	Tiếng Anh	15	01-051	Nguyễn Phương Uyên	Kinh	Nữ	8A4	THCS Nguyễn Trãi	12,50	Ba	
333	Tiếng Anh	16	02-093	Đào Nguyễn Tường Vy	Kinh	Nữ	8A1	THCS Lương Thế Vinh	12,48	Ba	
334	Tiếng Anh	15	02-096	Nguyễn Triệu Bảo Khôi	Tây	Nam	7A2	THCS Lương Thế Vinh	12,00	Ba	
335	Tiếng Anh	16	04-179	Dương Tố Uyên	Kinh	Nữ	8A3	THCS Nguyễn Du	12,00	Ba	
336	Tiếng Anh	16	02-091	Tổng Kiều Vy	Kinh	Nữ	8A5	THCS Lương Thế Vinh	11,68	Ba	
337	Tiếng Anh	15	04-170	Nguyễn Sỹ Hoàng Long	Kinh	Nam	8A5	THCS Nguyễn Du	11,50	Ba	
338	Tiếng Anh	16	04-171	Phạm Nhật Bảo Long	Kinh	Nam	8A3	THCS Nguyễn Du	11,30	KK	
339	Tiếng Anh	15	04-172	Hoàng Thị Phương Nga	Kinh	Nữ	8A5	THCS Nguyễn Du	10,90	KK	
340	Tiếng Anh	15	11-356	Diệp Quỳnh Trâm	Kinh	Nữ	8A2	THCS Võ Văn Kiệt	10,75	KK	
341	Tiếng Anh	15	04-166	Trần Ngọc Gia Hân	Kinh	Nữ	8A5	THCS Nguyễn Du	10,40	KK	
342	Tiếng Anh	16	04-177	Ngô Thị Thanh Thúy	Kinh	Nữ	8A5	THCS Nguyễn Du	9,90	KK	
343	Tiếng Anh	16	01-046	Nguyễn Phạm Minh Khuê	Kinh	Nữ	8A2	THCS Nguyễn Trãi	9,80	KK	

344	Tiếng Anh	15	04-168	Trần Nguyễn Phương Linh	Kinh	Nữ	8A5	THCS Nguyễn Du	9,60	KK	
345	Tiếng Anh	16	03-386	Ngô Thanh Trúc	Kinh	Nữ	8A1	THCS Lý Tự Trọng	9,45	KK	
346	Tiếng Anh	16	04-167	Nguyễn Huy Hoàng	Kinh	Nam	8A8	THCS Nguyễn Du	9,13	KK	
347	Tiếng Anh	15	01-047	Trịnh Bảo An	Kinh	Nam	8A2	THCS Nguyễn Trãi	9,10	KK	
348	Tiếng Anh	15	04-176	Hồ Khả Quỳnh	Kinh	Nữ	8A7	THCS Nguyễn Du	9,10	KK	
349	Tiếng Anh	16	01-054	Nguyễn Khánh Huyền	Kinh	Nữ	7A1	THCS Nguyễn Trãi	8,43	CĐ	
350	Tiếng Anh	15	05-206	Hồ Thị Ý Nhi	Kinh	Nữ	8B	THCS Trần Quang Khải	8,10	CĐ	
351	Tiếng Anh	15	01-053	Lê Vương	Kinh	Nam	6A4	THCS Nguyễn Trãi	7,90	CĐ	
352	Tiếng Anh	15	06-222	Nguyễn Ngọc Mỹ	Kinh	Nữ	8A3	THCS Nguyễn Văn Linh	7,60	CĐ	
353	Tiếng Anh	16	12-344	Hoàng Cao Tuyết Nhung	Kinh	Nữ	8A1	THCS Trần Hưng Đạo	7,60	CĐ	
354	Tiếng Anh	15	01-045	Lê Vinh Thuận	Kinh	Nam	8A1	THCS Nguyễn Trãi	7,20	CĐ	
355	Tiếng Anh	15	01-055	Lê Thiên Trang	Kinh	Nữ	7A2	THCS Nguyễn Trãi	7,20	CĐ	
356	Tiếng Anh	15	01-057	Nguyễn Duy Long Anh	Kinh	Nam	7A2	THCS Nguyễn Trãi	7,20	CĐ	
357	Tiếng Anh	16	01-056	Bùi Thiện Ý	Kinh	Nữ	7A2	THCS Nguyễn Trãi	6,73	CĐ	
358	Tiếng Anh	15	10-319	Nguyễn Đăng Tình	Kinh	Nam	8A5	THCS Trần Quốc Toản	6,50	CĐ	
359	Tiếng Anh	16	04-169	Đào Lê Khánh Linh	Kinh	Nữ	8A5	THCS Nguyễn Du	5,98	CĐ	
360	Tiếng Anh	16	05-205	Nguyễn Phương Linh	Kinh	Nữ	8B	THCS Trần Quang Khải	5,98	CĐ	
361	Tiếng Anh	15	05-204	Nguyễn Trần Huyền Cơ	Kinh	Nữ	8A	THCS Trần Quang Khải	5,90	CĐ	

362	Tiếng Anh	16	10-318	Nguyễn Sỹ Nguyên	Kinh	Nam	8A1	THCS Trần Quốc Toàn	5,90	CĐ	
363	Tiếng Anh	15	04-178	Võ Lê An Thy	Kinh	Nữ	8A5	THCS Nguyễn Du	5,80	CĐ	
364	Tiếng Anh	16	01-050	Nguyễn Thị Trà Mi	Kinh	Nữ	8A3	THCS Nguyễn Trãi	4,85	CĐ	
365	Tiếng Anh	16	05-207	Nguyễn Thanh Trúc	Kinh	Nữ	8B	THCS Trần Quang Khải	4,70	CĐ	
366	Tiếng Anh	15	03-385	Dương Yến Nhi	Kinh	Nữ	8A1	THCS Lý Tự Trọng	3,80	CĐ	
367	Tin học	17	06-224	Nguyễn Khánh Tùng	Kinh	Nam	8A3	THCS Nguyễn Văn Linh	19,00	Nhất	
368	Tin học	17	04-182	Phan Anh Minh	Kinh	Nam	8A5	THCS Nguyễn Du	18,50	Nhất	
369	Tin học	17	04-180	Phạm Hà Dũng	Kinh	Nam	8A5	THCS Nguyễn Du	18,00	Nhất	
370	Tin học	17	04-187	Vy Thị Thanh Thu	Kinh	Nữ	8A5	THCS Nguyễn Du	18,00	Nhất	
371	Tin học	17	06-223	Nguyễn Tiến Dũng	Kinh	Nam	8A3	THCS Nguyễn Văn Linh	18,00	Nhất	
372	Tin học	17	04-181	Trần Quang Hiếu	Kinh	Nam	8A5	THCS Nguyễn Du	17,00	Nhất	
373	Tin học	17	04-185	Châu Minh Nhật	Kinh	Nam	7A4	THCS Nguyễn Du	17,00	Nhất	
374	Tin học	17	04-186	Lê Tiến Thắng	Kinh	Nam	8A5	THCS Nguyễn Du	16,00	Nhất	
375	Tin học	17	06-225	Vũ Kim Tiến	Kinh	Nữ	8A3	THCS Nguyễn Văn Linh	15,00	Nhì	
376	Tin học	17	04-183	Nguyễn Thành Minh	Kinh	Nam	7A4	THCS Nguyễn Du	14,00	Nhì	
377	Tin học	17	07-261	Nguyễn Bảo Thiên	Kinh	Nam	7E	THCS Nguyễn Công Trứ	13,50	Nhì	
378	Tin học	17	08-273	Lê Hoàng Trường	Kinh	Nam	6A3	THCS Nguyễn Bình Khiêm	13,50	Nhì	
379	Tin học	17	11-358	Hoàng Minh Quân	Kinh	Nam	8A1	THCS Võ Văn Kiệt	13,50	Nhì	
380	Tin học	17	08-272	Nguyễn Trần Gia Hân	Kinh	Nữ	7A2	THCS Nguyễn Bình Khiêm	13,00	Ba	
381	Tin học	17	04-184	Vũ Lê Trà My	Kinh	Nữ	8A5	THCS Nguyễn Du	11,00	KK	
382	Tin học	17	10-323	Nguyễn Thanh Trà	Kinh	Nữ	7A3	THCS Trần Quốc Toàn	11,00	KK	
383	Tin học	17	10-324	Trần Nhân Tài	Kinh	Nam	8A4	THCS Trần Quốc Toàn	10,50	KK	
384	Tin học	17	10-321	Nguyễn Tấn Lê Duy	Kinh	Nam	8A2	THCS Trần Quốc Toàn	9,00	KK	
385	Tin học	17	10-320	Chu Gia Như	Kinh	Nữ	8A3	THCS Trần Quốc Toàn	8,00	CĐ	

386	Tin học	17	10-322	Nguyễn Thị Huyền Trang	Kinh	Nữ	8A1	THCS Trần Quốc Toản	8,00	CĐ	
387	Tin học	17	08-274	Phạm Anh Khang	Kinh	Nam	7A2	THCS Nguyễn Bình Khiêm	6,50	CĐ	
388	Tin học	17	09-289	Lê Nguyễn Trúc Nương	Kinh	Nữ	8B	THCS Nguyễn Khuyến	6,50	CĐ	
389	Tin học	17	09-288	Đào Quỳnh Như	Kinh	Nữ	8B	THCS Nguyễn Khuyến	5,00	CĐ	
390	Tin học	17	06-226	Đặng Huy Mạnh	Kinh	Nam	8A3	THCS Nguyễn Văn Linh	3,00	CĐ	
391	Tin học	17	09-290	Lê Tuấn Kiệt	Kinh	Nam	8A	THCS Nguyễn Khuyến			Vắng thi

Danh sách gồm có 391 thí sinh